

“Sáng thặng hoa, chiều hụt ga” ...

Xem thêm 

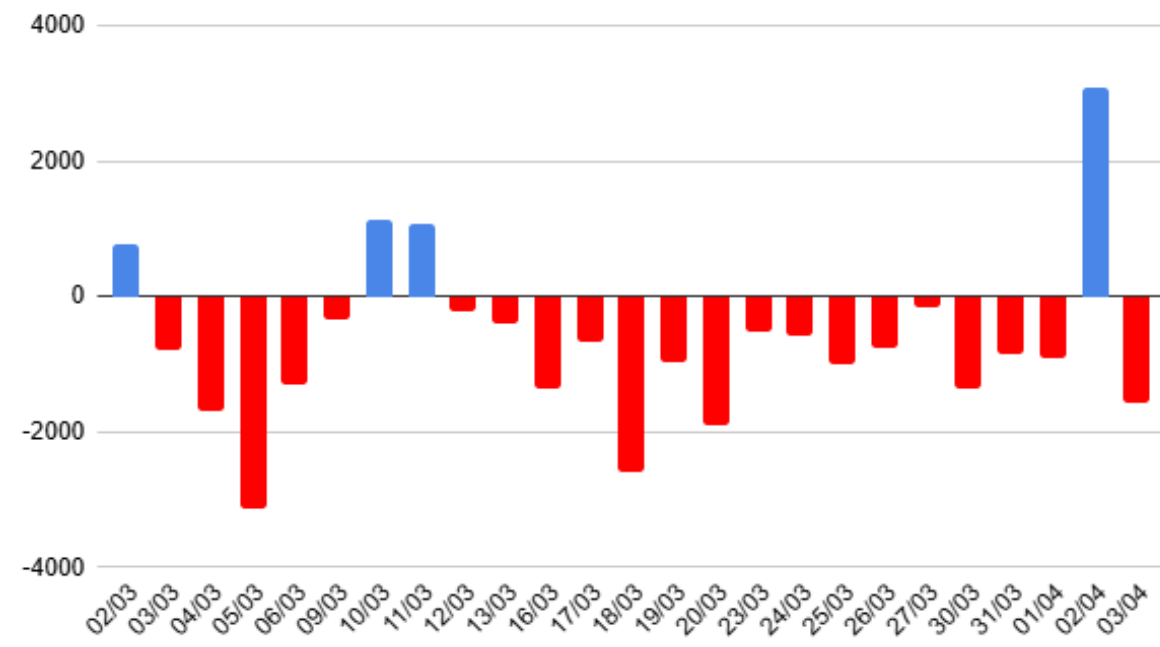
Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading



Đồ thị kỹ thuật VN-Index



Giao dịch khối ngoại



Xu hướng dòng tiền

- Thị trường chứng khoán ngày 03/04 diễn biến kém tích cực khi áp lực bán gia tăng trong phiên chiều khiến VN-Index đảo chiều giảm điểm, dù phần lớn thời gian buổi sáng duy trì sắc xanh. Chỉ số có lúc tăng hơn 10 điểm nhờ lực kéo từ nhóm trụ, đặc biệt họ Vingroup, nhưng thanh khoản thấp cho thấy dòng tiền thận trọng, khiến đà tăng suy yếu. Áp lực cung gia tăng tại vùng cản 1.700-1.720 điểm khiến thị trường quay đầu, VN-Index đóng cửa tại **1.684,04** điểm, giảm **10,78** điểm **(-0,64%)**, thu hẹp gần 30 điểm so với đỉnh trong phiên. Thanh khoản khớp lệnh chỉ đạt khoảng 18,9 nghìn tỷ đồng, thấp hơn mức bình quân 20 phiên. Khối ngoại bán ròng 1.6 nghìn tỷ sàn HSX.
- Độ rộng thị trường** nghiêng mạnh về bên bán với 233 mã giảm so với 78 mã tăng trên HOSE, phản ánh áp lực điều chỉnh lan tỏa trên nhiều nhóm ngành. **Nhóm Ngân hàng** giao dịch tiêu cực với EIB giảm 3,1%, TCB giảm 2%, VPB giảm 1,7%, BID giảm 1,6%. **Nhóm Thép - Tôn mạ** chịu áp lực với HPG giảm 2,6%. **Bán lẻ và tiêu dùng** suy yếu khi DGW giảm 4,5%, MWG giảm 3,1%. **Nhóm Điện và Hàng & Dịch vụ công nghiệp** cũng giảm mạnh với PC1 giảm 4%, NT2 giảm 3,7%, GEE giảm 6,7%, GMD giảm 4,5%.
- Chiều ngược lại**, nhóm Bất động sản, Bảo hiểm và Hóa chất có sự phân hóa nhưng vẫn ghi nhận một số điểm sáng, trong đó VHM tăng 15,7% trong tuần, BVH tăng 3% trong phiên và VIC duy trì sắc xanh, góp phần nâng đỡ chỉ số.
- Đánh giá:** Áp lực chốt lời gia tăng khi VN-Index tiệm cận vùng 1.700-1.720 điểm cho thấy đà hồi phục chững lại. Thanh khoản thấp và khối ngoại bán ròng khiến rủi ro rung lắc ngắn hạn tiếp tục gia tăng.....

Phân tích kỹ thuật

- VN-Index hình thành nến búa ngược thân đỏ, cho thấy áp lực bán gia tăng mạnh về cuối phiên sau nhịp tăng đầu ngày. Dù MACD vẫn nằm trên đường tín hiệu, Histogram đã chững lại, phản ánh đà hồi phục suy yếu. RSI dao động quanh vùng trung tính, thể hiện trạng thái giằng co và thiếu động lực rõ ràng. Trên khung tuần, MACD Histogram vẫn mở rộng trong vùng âm, cho thấy áp lực trung hạn còn hiện hữu, thị trường đang trong nhịp tái cân bằng với rủi ro rung lắc tiếp diễn.
- Kịch bản 1 (40%)** VN-Index hồi phục lên vùng 1.700-1.720 và rung lắc trong quá trình tăng.
- Kịch bản 2 (60%)** VN-Index điều chỉnh kiểm định lại vùng hỗ trợ 1.660 - 1.680 (MA200).

Chiến lược giao dịch

- Nhà đầu tư nên duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức **THẤP - TRUNG BÌNH**, linh hoạt theo diễn biến thị trường.
- MUA** Có thể giải ngân thăm dò từng phần trong các nhịp rung lắc hoặc điều chỉnh về vùng hỗ trợ. Ưu tiên các nhóm như ngân hàng quốc doanh, chứng khoán, bất động sản, hoặc các nhóm phòng thủ như điện - năng lượng, bảo hiểm, Dược, giáo dục, đầu tư công. Đồng thời chú ý các cổ phiếu có nền tích lũy tốt, thanh khoản ổn định hoặc đang thu hút dòng tiền. Hạn chế mua đuổi các mã đã tăng trần hoặc bứt phá mạnh trong ngắn hạn.
- BÁN** Chủ động chốt lời từng phần khi cổ phiếu hồi phục lên vùng kháng cự hoặc đã đạt kỳ vọng ngắn hạn. Ưu tiên cơ cấu giảm tỷ trọng ở các mã suy yếu, mất xu hướng hoặc chịu áp lực bán ròng mạnh từ khối ngoại.....



Thông tin cổ phiếu

• Giá ngày 03/04/2026	48.45
• Vùng mua/bán tiềm năng	43-45
• Giá chốt lời	50-52
• Giá cắt lỗ	40
• Vốn hóa (tỷ đồng)	4,676.80
• SLCP lưu hành (cp)	96,528,340
• KLGD BQ 10 phiên	127,750
• Giá sổ sách	26.42
• EPS hiện tại	4.67
• P/E	10.37

TRUNG LẬP

Diễn biến giá cổ phiếu



Luận điểm đầu tư

Vị thế đầu ngành và lợi thế cạnh tranh bền vững

- Tập đoàn Thiên Long là doanh nghiệp văn phòng phẩm hàng đầu Việt Nam, khởi nguồn từ năm 1981 và niêm yết HOSE từ 2010. Công ty hiện nắm khoảng 60% thị phần nội địa, với mạng lưới phân phối rộng khắp và danh mục sản phẩm đa dạng, trong đó bút viết đóng góp hơn 40% doanh thu. Thị trường trong nước chiếm khoảng 72% doanh thu, đóng vai trò nền tảng ổn định. Lợi thế thương hiệu, hệ thống phân phối và đầu tư R&D giúp TLG duy trì sức cạnh tranh trước hàng nhập khẩu giá rẻ. Tuy nhiên, khi thị trường nội địa dần bão hòa, mở rộng quốc tế sẽ là động lực tăng trưởng chính trong dài hạn.

Mở rộng sang thị trường nước ngoài là động lực tăng trưởng

- Hoạt động mở rộng ra thị trường quốc tế đang trở thành động lực tăng trưởng quan trọng của TLG trong những năm gần đây. Tỷ trọng doanh thu xuất khẩu đã tăng mạnh từ 18% năm 2020 lên 28% năm 2025, cho thấy chiến lược “go global” đang phát huy hiệu quả rõ rệt. Riêng năm 2025, doanh thu xuất khẩu tăng 17,1% YoY, vượt xa mức tăng 8,8% của thị trường nội địa, dù quý 1 có giai đoạn suy giảm nhẹ. Hiện doanh nghiệp đã hiện diện tại 74 quốc gia/vùng lãnh thổ, trong đó châu Á và châu Mỹ là hai thị trường chủ lực, với các điểm nhấn như Mỹ, Philippines và Myanmar. Đồng thời, việc ký kết liên doanh tại Indonesia và Singapore trong quý 2/2025 giúp mở rộng mạng lưới phân phối khu vực. Đáng chú ý, mảng OEM tại các thị trường phát triển đóng góp khoảng 50% doanh thu xuất khẩu, tạo nền tảng tăng trưởng ổn định và bền vững trong dài hạn.

Catalyst lớn từ thương vụ M&A với đối tác Nhật (Kokuyo)

- Thị trường đang chú ý đến kế hoạch của Kokuyo (Nhật Bản) dự kiến chi khoảng 4.700 tỷ đồng để nâng sở hữu lên 65,01%, qua đó biến Thiên Long thành công ty con. Nếu thương vụ hoàn tất, TLG có thể hưởng lợi từ hệ sinh thái toàn cầu, công nghệ sản xuất và mạng lưới phân phối quốc tế của đối tác. Đây là yếu tố có thể giúp doanh nghiệp tăng tốc xuất khẩu, nâng cao quản trị và mở rộng biên lợi nhuận trong trung - dài hạn.
- **Kết quả kinh doanh.** Lũy kế cả năm 2025, TLG đạt doanh thu đạt 4.173,93 tỷ đồng, tăng 11,05% so với cùng kỳ, lợi nhuận lũy kế đạt 451,29 tỷ đồng, giảm 2,25% so với cùng kỳ.
- **Phân tích kỹ thuật.** TLG đang trong giai đoạn tích lũy đi ngang với thanh khoản thấp, cho thấy dòng tiền còn thận trọng. Các chỉ báo như MACD và RSI đều ở trạng thái trung tính, phản ánh xu hướng ngắn hạn chưa rõ ràng và cần thêm tín hiệu bứt phá.



STT	Ngày cập nhật	Mã cổ phiếu	Khuyến nghị	Ngành	Vùng mua/bán	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Lợi nhuận kỳ vọng
1	09/03/2026	DGW	CHỜ MUA	Bán lẻ	40-43	48-50	37	20%
2	10/03/2026	DGC	TRUNG LẬP	Hóa chất	68-70	80-85	64	17.6%
3	11/03/2026	REE	TRUNG LẬP	Cơ điện	52-55	58-60	48	11.5%
4	12/03/2026	GVR	CHỜ MUA	Cao su	30-32	38-40	28	26.7%
5	13/03/2026	PVS	CHỜ MUA	Dầu khí	40-42	54-56	36	35%
6	16/03/2026	MWG	CHỜ MUA	Bán lẻ	76-78	88-90	70	15.8%
7	17/03/2026	VCB	CHỜ MUA	Ngân hàng	56-58	68-70	52	21.4%
8	18/03/2026	FRT	CHỜ MUA	Bán lẻ	145-150	160-165	138	10.34%
9	19/03/2026	LPB	CHỜ MUA	Ngân hàng	40-42	48-50	38	20%
10	20/03/2026	GEG	CHỜ MUA	Ngành điện	15-16	18-19	14	20%
11	23/03/2026	HDG	CHỜ MUA	Ngành điện	27-28	30-31	25	11%
12	24/03/2026	BVH	CHỜ MUA	Bảo hiểm	68-70	80-85	64	17.6%
13	25/03/2026	FPT	CANH MUA	Công nghệ	73-77	90-92	67	23%
14	26/03/2026	BID	CANH MUA	Ngân hàng	39-40	45-46	36	15.4%
15	27/03/2026	MBB	TRUNG LẬP	Ngân hàng	24-25	27-28	23	12.5%
16	30/03/2026	HPG	CANH MUA	Ngành thép	26-27	29-30	25	11.5%
17	31/03/2026	POW	CANH MUA	Ngành điện	13-13.5	15-16	12	15.3%
18	01/04/2026	BVB	CANH MUA	Ngân hàng	12-12.5	14.5-15	11	20.8%
19	02/04/2026	VCG	CHỜ MUA	Xây lắp	20-21	23-24	18	15%
20	03/04/2026	HHV	TRUNG LẬP	Xây lắp	11-11.5	13-13.5	10	13%
21	06/04/2026	TLG	TRUNG LẬP	Bán lẻ	43-45	50-52	40	16.2%



Danh mục mở mới

STT	Ngày mua	Mã Cổ phiếu	Vùng mua	Giá hiện tại	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái khuyến nghị
-----	----------	-------------	----------	--------------	--------------	------------	------------------------

Danh mục đang nắm giữ

STT	Ngày mua	Mã cổ phiếu	Giá mua	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Tỷ trọng	Lãi/lỗ
1	19/12/2025	VNP	21.5	29-30	18.1	20	20%	-6.98%
2	24/12/2025	ACV	50.5	54-55	44	45.8	20%	-9.31%
3	07/01/2026	VDS	16.4	19 -20	14.8	14.45	10%	-11.89%
4	07/01/2026	VNB	17.3	20 - 21	14.7	14.7	10%	-15.03%

Danh mục đã chốt

STT	Ngày mua	Mã cổ phiếu	Giá mua	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá chốt	Ngày chốt	Lãi/lỗ
1	21/04/2025	HAG	12	14	10.8	13.7	13/05/2025	14.17%
2	08/05/2025	TV2	33.2	36-38	30	40	19/05/2025	17.17%
3	09/07/2025	VJC	94	104-108	85	127.5	28/07/2025	35.64%
4	09/05/2025	VCB	56.6	62-65	54	62.5	08/08/2025	10.42%
5	08/07/2025	DCM	33.7	37-39	32	39.4	08/08/2025	16.91%
6	04/09/2025	NKG	17	18-21	15	20.2	12/09/2025	18.82%
7	30/09/2025	AGR	17.1	19-20	15.3	18.2	07/10/2025	6.43%
8	12/11/2025	VCI	36.5	44-45	33	33	12/12/2025	-9.59%
9	20/08/2025	BCM	69	82-85	62.1	62.1	18/12/2025	-10.00%
10	22/10/2025	CTR	84.9	105-110	76	97.5	25/02/2026	14.84%
11	22/10/2025	FPT	95	108-110	85	92	25/02/2026	-3.16%
12	26/02/2026	TPB	18.35	20-21	16.5	16.5	09/03/2026	-10.08%



Thị trường thế giới

- **Chứng khoán Mỹ ghi nhận tuần tăng điểm mạnh nhất trong 4 tháng qua.** Kết thúc tuần qua, chỉ số S&P 500 tăng 3,36%, chỉ số công nghệ Nasdaq tăng 4,44% và chỉ số công nghiệp Dow Jones tăng 2,96%, chỉ số vốn hóa nhỏ Russell 2000 cũng ghi nhận mức tiến thêm 3,19%.
- **Mỹ có thêm 178,000 việc làm trong tháng 3, vượt xa kỳ vọng.** Thị trường lao động Mỹ phục hồi trong tháng 3, với số việc làm mới tăng mạnh hơn dự báo dù bức tranh tổng thể vẫn cho thấy đà tăng trưởng chậm. Số việc làm phi nông nghiệp tăng 178,000 trong tháng 3, sau khi giảm 133,000 trong tháng 2 và cao hơn nhiều so với dự báo 59,000 của các chuyên gia, Bộ Lao động Mỹ cho biết trong ngày 03/04. Số liệu tháng 2 được điều chỉnh giảm 41,000, trong khi tháng 1 được điều chỉnh tăng 34,000 lên 160,000 việc làm, đưa mức trung bình 3 tháng lên khoảng 68,000.

Thị trường trong nước

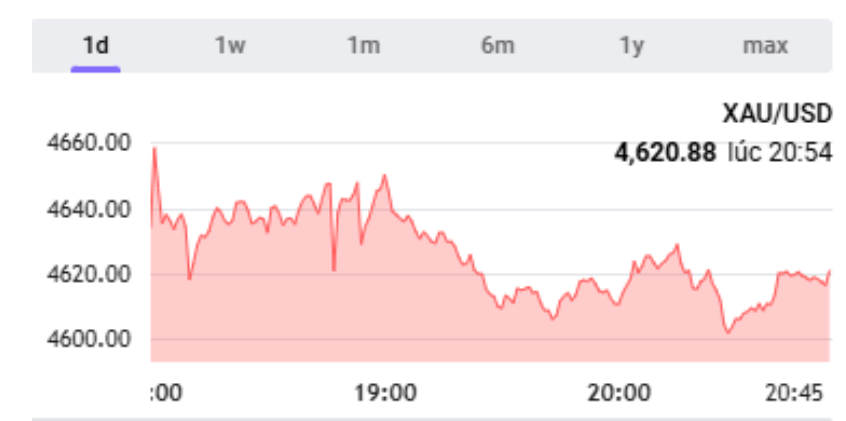
- **GDP quý 1/2026 ước tăng 7.83% so với cùng kỳ năm trước.** GDP quý 1/2026 ước tăng 7,83% so với cùng kỳ, cao hơn mức 7,07% của năm trước, cho thấy đà phục hồi kinh tế tiếp tục được củng cố. Động lực tăng trưởng đến chủ yếu từ khu vực dịch vụ và công nghiệp – xây dựng, trong đó dịch vụ đóng góp lớn nhất nhờ tiêu dùng nội địa và du lịch khởi sắc. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục giữ vai trò dẫn dắt với mức tăng trưởng cao, trong khi xây dựng hưởng lợi từ giải ngân đầu tư công. Khu vực nông, lâm, thủy sản duy trì tăng trưởng ổn định, đóng vai trò nền tảng.
- **CPI quý 1/2026 tăng 3.51%; lạm phát cơ bản tăng 3.63% so với cùng kỳ năm trước.** Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3/2026 tăng 1,23% so với tháng trước, chủ yếu do giá xăng dầu và vật liệu xây dựng tăng mạnh theo diễn biến thế giới. So với cùng kỳ, CPI tháng 3 tăng 4,65%, mức cao nhất trong 5 năm. Tính chung quý I/2026, CPI tăng 3,51%, trong khi lạm phát cơ bản tăng 3,63%, cho thấy áp lực giá vẫn hiện hữu. Nhóm giao thông tăng mạnh nhất do giá nhiên liệu tăng, kéo theo chi phí vận tải đi lên.

Thị trường hàng hóa

- **Giá phân bón “nóng” theo điểm nghẽn Hormuz.** Tháng 3/2026, thị trường phân bón trong nước “tăng nhiệt” do gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu khi eo biển Hormuz bị phong tỏa, khiến chi phí logistics leo thang và giá phân bón quốc tế đồng loạt tăng mạnh. Cụ thể, UAN28 tăng 13% lên 464 USD/tấn, urê tăng 12% lên 674 USD/tấn, trong khi DAP và MAP lần lượt đạt 851 và 889 USD/tấn; so với cùng kỳ, nhiều mặt hàng tăng tới 11–31%. Tại Việt Nam, giá DAP Hàn Quốc lên khoảng 1,13 triệu đồng/bao, urê Phú Mỹ vượt 553.000 đồng/bao, còn NPK tăng từ vài nghìn đến hàng chục nghìn đồng mỗi bao. Áp lực lớn đến từ chi phí đầu vào khi khoảng 80% nguyên liệu sản xuất DAP phải nhập khẩu, riêng giá lưu huỳnh tăng hơn 40%, đẩy giá thành sản xuất tăng khoảng 12%.



Index	Value	Change	%
Dow 30	46,504.67	-61.07	-0.13%
Dow 30 Futures	46,345.50	-159.20	-0.36%
Nasdaq Futures	24,026.60	-18.90	-0.08%
S&P 500 Futures	6,568.10	-14.60	-0.22%
Nikkei 225	53,638.00	+514.51	+0.97%
Shanghai	3,880.10	-39.19	-1%
Hang Seng	25,116.53	-177.50	-0.7%
KOSPI	5,461.87	+84.57	+1.57%
FTSE 100	10,436.29	+71.50	+0.69%
FTSE 100 Futures	10,442.00	+80.50	+0.78%



Commodity	Value	Change	%
XAU/USD	4,621.24	-55.18	-1.18%
Gold	4,646.95	-32.75	-0.7%
Copper	5.6388	-0.0427	-0.75%
Brent Oil	110.76	+1.73	+1.59%
London Sugar	435.70	-6.40	-1.45%
Silver	72.310	-0.614	-0.84%
Crude Oil WTI	112.37	+0.83	+0.74%
Platinum	1,981.55	-18.35	-0.92%
London Coffee	3,346.00	-82.00	-2.39%
US Wheat	592.40	-5.35	-0.9%
US Corn	449.88	-2.13	-0.47%



TLG: Thiên Long muốn tiến sâu vào các thị trường ASEAN như Indonesia, Thái Lan

- Chiến lược thâm nhập sâu vào thị trường ASEAN, đặc biệt là Indonesia và Thái Lan, đang được TLG xác định là động lực tăng trưởng dài hạn. Doanh nghiệp tận dụng quy mô dân số lớn và hành vi tiêu dùng tương đồng để mở rộng thị phần, đồng thời hợp tác với các đối tác bản địa nhằm nhanh chóng xây dựng hệ thống phân phối. Bên cạnh đó, TLG cũng đẩy mạnh hiện diện tại Philippines thông qua các khoản đầu tư mới. Cách tiếp cận “Glocal” giúp công ty kết hợp năng lực sản xuất trong nước với hiểu biết thị trường khu vực.

CTG: VietinBank dự kiến dùng hơn 16.200 tỷ đồng lợi nhuận để chia cổ tức

- VietinBank dự kiến sử dụng hơn 16.200 tỷ đồng lợi nhuận giữ lại để chia cổ tức bằng cổ phiếu, qua đó tăng vốn điều lệ và củng cố năng lực tài chính. Động thái này nằm trong chiến lược giữ lại lợi nhuận giai đoạn 2024–2028 nhằm mở rộng dư địa tăng trưởng tín dụng. Đồng thời, ngân hàng đặt mục tiêu tăng tổng tài sản 5–10% trong năm 2026 và kiểm soát nợ xấu dưới 1,8%. Việc chia cổ tức bằng cổ phiếu không chỉ nâng cao vốn tự có mà còn tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững trong trung và dài hạn.

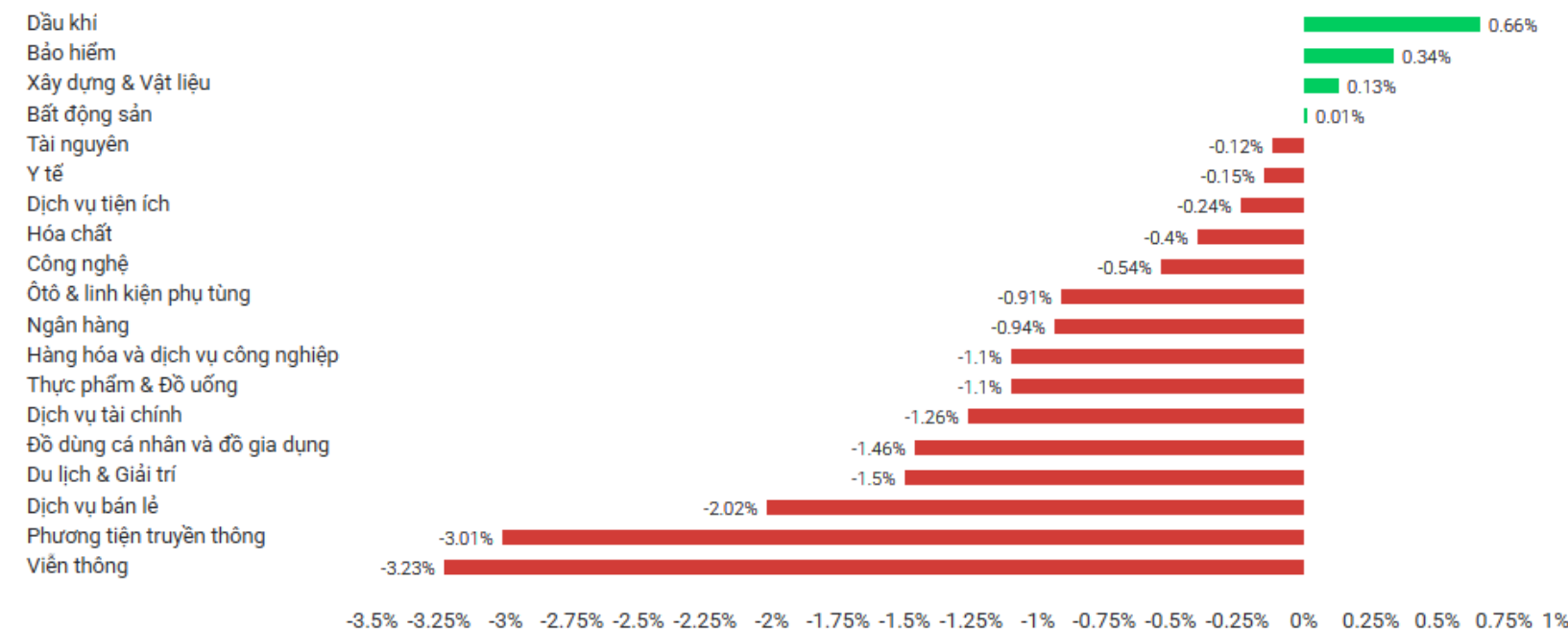
VCB: Vietcombank muốn phát hành hơn 1 tỷ cổ phiếu thưởng cho cổ đông

- Vietcombank dự kiến phát hành hơn 1 tỷ cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn chủ sở hữu nhằm tăng vốn điều lệ lên gần 94.000 tỷ đồng. Động thái này giúp ngân hàng củng cố hệ số an toàn vốn và mở rộng dư địa tăng trưởng tín dụng trong thời gian tới. Đồng thời, Vietcombank cũng lên kế hoạch chào bán riêng lẻ để thu hút thêm nguồn vốn từ nhà đầu tư chiến lược. Việc kết hợp tăng vốn nội tại và huy động bên ngoài được kỳ vọng sẽ hỗ trợ ngân hàng duy trì vị thế dẫn đầu.

NVL: Novaland chào bán 800 triệu cổ phiếu riêng lẻ

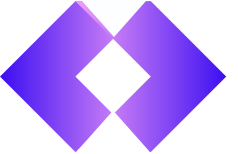
- Novaland đặt mục tiêu doanh thu năm 2026 đạt khoảng 22.700 tỷ đồng, gấp hơn 3 lần so với năm trước, nhờ đẩy mạnh bàn giao các dự án sau giai đoạn tái cấu trúc. Tuy nhiên, lợi nhuận dự kiến chỉ đi ngang quanh 1.850 tỷ đồng, cho thấy áp lực chi phí vẫn hiện hữu. Doanh nghiệp đồng thời lên kế hoạch chào bán riêng lẻ tối đa 800 triệu cổ phiếu để huy động vốn và cải thiện tài chính. Năm 2026 được xem là giai đoạn bản lề, đánh dấu quá trình quay lại quỹ đạo tăng trưởng dù vẫn còn thách thức về dòng tiền và nợ vay.

Tăng/ giảm ngành trong phiên



Top cổ phiếu tăng giảm trong phiên

Mã CK	Giá	Thay đổi	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CK	Giá	Thay đổi	Giá trị (Tỷ đồng)
VHM	117.90	7.70 (6.99%)	1,922.77	PIT	8.37	-0.63 (-7.00%)	0.29
TNI	4.62	0.30 (6.94%)	0.18	HID	5.05	-0.37 (-6.83%)	4.79
DGC	54.00	3.50 (6.93%)	228.01	CIG	6.22	-0.38 (-5.76%)	0.40
ABS	3.25	0.21 (6.91%)	1.80	PET	48.50	-2.80 (-5.46%)	58.52
KLB	14.00	0.90 (6.87%)	6.77	PAC	25.05	-1.25 (-4.75%)	32.30



Công bố số liệu kinh tế Việt Nam tháng 3 – 06/04/2026.

- Bộ số liệu kinh tế vĩ mô tháng 3 là thước đo quan trọng phản ánh bức tranh tổng thể của nền kinh tế, bao gồm các chỉ tiêu như sản xuất công nghiệp, bán lẻ, xuất nhập khẩu và lạm phát. Những dữ liệu này giúp đánh giá mức độ phục hồi và động lực tăng trưởng trong ngắn hạn, đồng thời cung cấp cơ sở cho việc dự báo xu hướng kinh tế vĩ mô. Thông tin công bố thường tác động mạnh đến kỳ vọng của nhà đầu tư, qua đó ảnh hưởng trực tiếp đến diễn biến của thị trường chứng khoán.

Đánh giá phân loại thị trường FTSE Russell – Việt Nam- 07/04/2026.

- Tổ chức FTSE Russell sẽ tiến hành đánh giá định kỳ việc phân loại thị trường chứng khoán Việt Nam. Sự kiện này nhằm xem xét khả năng nâng hạng hoặc duy trì phân loại hiện tại của thị trường dựa trên các tiêu chí về khả năng tiếp cận của nhà đầu tư nước ngoài, thanh khoản và khung pháp lý. Kết quả đánh giá thường được giới đầu tư theo dõi chặt chẽ do có thể ảnh hưởng đến kỳ vọng dòng vốn quốc tế và tâm lý thị trường trong trung và dài hạn.

Công bố danh mục cổ phiếu thành phần chỉ số VN Diamond Việt Nam 20/04/2026.

- Danh mục cổ phiếu của các chỉ số VN Diamond và VN Finselect do Sở Giao dịch Chứng khoán công bố là cơ sở quan trọng phản ánh sự sàng lọc và cơ cấu lại các nhóm cổ phiếu tiêu biểu trên thị trường. Các chỉ số này đại diện cho nhóm cổ phiếu có chất lượng cao, giới hạn room ngoại (VN Diamond) và nhóm tài chính – ngân hàng (VN Finselect). Việc thay đổi danh mục có thể kéo theo biến động dòng tiền từ các quỹ ETF và nhà đầu tư tổ chức, qua đó ảnh hưởng đáng kể đến diễn biến giá cổ phiếu liên quan cũng như xu hướng chung của thị trường.

Biên bản họp FOMC – Mỹ – 09/04/2026.

- Biên bản cuộc họp FOMC (Ủy ban Thị trường Mở Liên bang) do Cục Dự trữ Liên bang Mỹ công bố, cung cấp chi tiết các thảo luận và quan điểm của các nhà hoạch định chính sách về triển vọng kinh tế, lạm phát và định hướng lãi suất. Tài liệu này giúp nhà đầu tư hiểu rõ hơn về lập trường chính sách tiền tệ trong thời gian tới, qua đó ảnh hưởng đáng kể đến kỳ vọng thị trường và diễn biến của các tài sản tài chính toàn cầu.

Lịch chốt quyền doanh nghiệp

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ	Ngày TH	Nội dung sự kiện
1	VNL	HOSE	18/03/26	10/04/26	Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 800 đồng/CP
2	VIH	UPCoM	18/03/26		Hoán đổi cổ phiếu
3	LAF	HOSE	18/03/26	17/04/26	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,500 đồng/CP
4	HGM	HNX	19/03/26	09/04/26	Trả cổ tức đợt 3/2025 bằng tiền, 8,800 đồng/CP
5	PPP	HNX	19/03/26	22/04/26	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,500 đồng/CP
6	SDC	HNX	19/03/26	20/04/26	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP
7	STP	HNX	19/03/26	20/05/26	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 800 đồng/CP
8	CMF	UPCoM	19/03/26	11/05/26	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 5,000 đồng/CP
9	GEE	HOSE	19/03/26	08/04/26	Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 2,500 đồng/CP
10	DP3	HNX	20/03/26	29/06/26	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 4,000 đồng/CP
11	ADC	HNX	20/03/26	11/05/26	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,500 đồng/CP
12	VTC	HNX	20/03/26	10/04/26	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 700 đồng/CP
13	PDN	HOSE	20/03/26	06/04/26	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 2,000 đồng/CP
14	HNF	UPCoM	23/03/26	07/04/26	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,500 đồng/CP
15	HJS	HNX	24/03/26	03/04/26	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 800 đồng/CP
16	GMH	HOSE	24/03/26	16/04/26	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 700 đồng/CP
17	CDG	UPCoM	24/03/26	02/04/26	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 600 đồng/CP
18	VFG	HOSE	25/03/26	16/04/26	Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP
19	HRB	UPCoM	26/03/26	17/04/26	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 3,000 đồng/CP
20	VCI	HOSE	26/03/26	10/04/26	Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 250 đồng/CP
21	VCI	HOSE	26/03/26		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 20:7
22	SD9	HNX	27/03/26	22/04/26	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 550 đồng/CP
23	CCI	HOSE	27/03/26		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm
24	NDP	UPCoM	27/03/26	20/05/26	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 500 đồng/CP
25	TA6	UPCoM	27/03/26	02/04/26	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 267.1 đồng/CP
26	LBM	HOSE	31/03/26		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm
27	BSH	UPCoM	08/04/26	24/04/26	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,500 đồng/CP
28	NBE	UPCoM	09/04/26	16/09/26	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,100 đồng/CP
29	BWA	UPCoM	16/04/26	15/05/26	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 450 đồng/CP
30	CDC	HOSE	17/04/26		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm



Trung tâm Phân tích và Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Đầu tư

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Hoàng Ngọc Quyền

Chuyên viên phân tích

Email: quyenhn@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Quan điểm phân tích

Đơn vị phân tích chỉ căn cứ vào những tài liệu, kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức... thu thập được trên thị trường chứng khoán để làm căn cứ tính toán và đưa ra mức định giá. Thông tin sử dụng trong báo cáo này được chúng tôi thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác.

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

CANH MUA Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CHỜ MUA Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CANH BÁN Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P.Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, P.Gia Viên,
TP. Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, P. Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, P. Hạc Thành,
tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009